

Bản án số: **170/2019/DS-PT**
Ngày: 11/10/2019
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Quốc

Các Thẩm phán: 1/- Bà Võ Bích Hải.

2/- Bà Hà Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Huỳnh Thái Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2019/TLPT-DS ngày 07 tháng 8 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 218/2019/QĐPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Phan Thành Đ.** sinh năm: 1976. Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Khu vực 11, phường C, quận Ô , thành phố Cần Thơ. (văn bản ủy quyền ngày 30/11/2018). Có mặt.

Bà **Hà Ngọc L.** sinh năm: 1977. Địa chỉ: khu vực 9, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thành Đ (văn bản ủy quyền ngày 06/9/2018). Xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Dương Văn K.** sinh năm: 1974.

Bà **Đỗ Mỹ H.** sinh năm: 1976.

Địa chỉ: khu vực T, phường L, quận Ô , thành phố Cần Thơ.

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Dương Văn K, bà Đỗ Mỹ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền ông Võ Văn S trình bày:

Ông Phan Thành Đ, bà Hà Ngọc L và ông Dương Văn K, bà Đỗ Mỹ H là bạn bè quen biết. Ngày 20/4/2012 nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 1,25%/tháng. Bị đơn đã nhận đủ số tiền vay. Năm 2013 nguyên đơn có cho bị đơn mượn thêm 12.000.000đ để mua lúa giống; tổng cộng là 212.000.000đ. Ngày 30/9/2014 bị đơn có làm văn bản “*Thư xác nhận*” nội dung nhận nợ như trên. Bị đơn có trả lãi được 10 tháng với số tiền là 25.000.000đ.

Do nhiều lần yêu cầu nhưng bị đơn vẫn chưa trả số tiền trên, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số nợ gốc là 212.000.000đ và lãi suất tạm tính từ 20/3/2013, đến ngày khởi kiện 20/11/2018 là 70 tháng x 200.000.000đ x 1,25%/tháng = 173.000.000đ; không yêu cầu lãi số tiền 12.000.000đ. Do là bạn bè nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả vốn gốc 212.000.000đ + lãi theo lãi suất cơ bản của nhà nước và có giảm làm tròn số là 88.000.000đ. Tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

** Bị đơn ông Dương Văn K trình bày:*

Năm 2012 ông và ông Đ có hùn vốn làm ăn, mỗi bên 200 triệu để mở cơ sở sản xuất kinh doanh lúa giống. Ông là người trực tiếp vừa sản xuất, vừa lo đầu ra sản phẩm. Làm được khoảng 03 tháng, chia lãi được 25.000.000đ. Sau đó, làm ăn khó khăn, tồn lúa giống và thua lỗ. Từ năm 2012 đến 2014 thì tuyên bố ngưng không hoạt động nữa. Ông thừa nhận có nhận của ông Đ 200 triệu là tiền hùn vốn làm ăn, không phải vay nợ và thừa nhận có nợ tiền lúa giống 12.000.000đ. Nay ông đồng ý trả tổng số nợ gốc cho ông Kiệt là 212.000.000đ và tiền lãi 88.000.000đ theo yêu cầu của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, bà Đỗ Mỹ H vắng mặt nên không hòa giải thành giữa các đương sự được. Do đó:

Tòa án nhân dân quận Ô Môn đưa ra xét xử; tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 15/5/2019 đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Thành Đ, bà Hà Ngọc L đối với bị đơn ông Dương Văn K, bà Đỗ Mỹ H.

Buộc ông Dương Văn K và bà Đỗ Mỹ H phải trả cho ông Phan Thành Đ và bà Hà Ngọc L tổng số tiền là 300.000.000đ, trong đó tiền gốc là 212.000.000đ và tiền lãi là 88.000.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 19/5/2019 bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền này trước đây hai bên hùn vốn làm ăn, sau này lỗ lỗ nên chỉ đồng ý trả phần vốn gốc 212.000.000đ, không đồng ý trả lãi 88.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo xác định vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến như đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm. Tuy nhiên, qua phân tích động viên các đương sự đã thỏa thuận thống nhất: bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn vốn gốc 212.000.000đ và tiền lãi 50.000.000đ, tổng cộng là 262.000.000đ; đồng thời nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

Kiểm sát viên phúc thẩm phát biểu ý kiến: Về thời tác tăng, đúng số và Tòa án hai cấp đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tăng dân số; Về nội dung: tài phiên tòa phúc thẩm các đúng số đã thỏa thuận thống nhất nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn 212.000.000đ + lãi 50.000.000đ, tổng cộng là 262.000.000đ; không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận và sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Nguyên đơn khởi kiện đòi nợ theo hợp đồng vay tài sản, vì vậy cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Hà Ngọc L có người đại diện theo ủy quyền là ông Phan Thành Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo cho rằng số tiền này trước đây hai bên hùn vốn làm ăn, không phải là tiền vay nên chỉ đồng ý trả vốn gốc, không đồng ý trả lãi suất. Xét kháng cáo, thấy rằng:

[2] Căn cứ vào “Thư xác nhận” ngày 30/9/2014, thể hiện ngày 20/4/2012 bị đơn có nhận của nguyên đơn số tiền 200.000.000đ để làm ăn, nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả lại vốn gốc và lãi. Ngoài ra trong năm 2013 bị đơn có mượn thêm và nợ của nguyên đơn tiền mua lúa giống 12.000.000đ. Tổng cộng hai khoản tiền là 212.000.000đ. Như vậy mặc dù khoản tiền 200.000.000đ nếu thực sự là khoản tiền hai bên góp vốn làm ăn chung, nhưng kể từ ngày 30/9/2014 bị đơn ký “Thư xác nhận” là đã chuyển hóa từ quan hệ góp vốn hợp tác kinh doanh sang quan hệ vay mượn nợ. Bởi lẽ bị đơn không có tiền hoàn lại vốn góp nên mới phải ký xác nhận nợ. Đồng thời trong “Thư xác nhận” ngày 30/9/2014 bị đơn cũng xác định sẽ chịu mức lãi suất theo Ngân hàng là 1,25% cho đến khi thanh toán dứt. Do đó, cấp sơ thẩm xác định bị đơn vay nợ, buộc trả lãi là có căn cứ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, ông Kiệt đồng ý trả nợ gốc 212 triệu và số tiền lãi mà nguyên đơn đã xét giảm là 88.000.000đ, cộng chung là 300 triệu. Nhưng nay kháng cáo cho rằng đây là tiền hùn làm ăn chung nên không đồng ý trả lãi. Đánh giá luận điểm này, xét rằng: Lẽ ra, nếu căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự cho phép thì mức lãi suất sẽ áp dụng đối với bị đơn theo thỏa thuận (không quá 20%/năm) chỉ tính từ ngày ký “Thư xác nhận” 30/9/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/5/2019 = 4 năm 7 tháng 16 ngày (tương đương 55 tháng 16 ngày) => $212.000.000đ \times 1,25\%/tháng \times 55 tháng 16 ngày = 147.163.333đ$. Khấu trừ số lãi nguyên đơn đã nhận: $147.163.333đ - 25.000.000đ = 122.163.333đ$.

Nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả tiền lãi 88.000.000đ là có lợi cho bị đơn. Cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn vốn 212.000.000đ + lãi 88.000.000đ là phù hợp và có căn cứ. Song tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên

đã thỏa thuận thống nhất nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn 212.000.000đ + lãi 50.000.000đ, tổng cộng là 262.000.000đ; không yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án. Xét đây là sự thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật nên công nhận và sửa án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên phúc thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 296, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 305, 471, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; khoản Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Dương Văn K, bà Đỗ Mỹ H; Sửa bản án sơ thẩm.

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm: bị đơn ông Dương Văn K, bà Đỗ Mỹ H có nghĩa vụ trả cho ông Phan Thành Đ, bà Hà Ngọc L số tiền 262.000.000 đồng (trong đó: tiền gốc là 212.000.000đ và tiền lãi là 50.000.000 đồng).

Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn chịu lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trong giai đoạn thi hành án.

2/- Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 13.100.000đ.

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.325.000đ theo Biên lai số 005835 ngày 26/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm, nên được nhận lại 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo theo Biên lai số 000147 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trọng tài hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự
- VKSND.TPCT
- TAND.Q.Ô Môn.
- Chi cục THADS.Ô Môn.
- Lưu (HS - 2b).

(Đã ký)
Trần Tuấn Quốc